

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2013/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 11 năm 2013

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định tổ chức, quản lý và khai thác vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giao thông Đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3147/TTr-SGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2013,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc tổ chức, quản lý và khai thác vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký;

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Văn Hữu Chiến**

## **QUY ĐỊNH**

### **Tổ chức, quản lý và khai thác vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 37 /2013/QĐ-UBND*

*Ngày 26 .tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

## **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Văn bản này quy định việc tổ chức, quản lý, khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan đến quản lý, khai thác vận tải khách bằng xe buýt, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt và khách đi xe buýt.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Vận tải hành khách bằng xe buýt* là hoạt động vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định có các điểm dừng đón, trả khách và xe chạy theo biểu đồ vận hành.

2. *Tuyến xe buýt* là tuyến vận tải khách cố định bằng ô tô, có điểm đầu, điểm cuối và các điểm dừng đón trả khách theo quy định.

a) *Tuyến xe buýt nội thị* là tuyến xe buýt có điểm đầu, điểm cuối tuyến trong nội đô thành phố Đà Nẵng;

b) *Tuyến xe buýt liên kê* là tuyến xe buýt có lộ trình đi từ trung tâm thành phố Đà Nẵng đến các vùng liên kê thuộc tỉnh Quảng Nam.

3. *Xe buýt* phải có sức chứa từ 17 (mười bảy) chỗ ngồi trở lên, có diện tích sàn xe dành cho khách đứng và được thiết kế theo tiêu chuẩn do Bộ Giao thông vận tải quy định.

4. *Điểm dừng xe buýt* là công trình đường bộ được thiết kế và công bố cho xe buýt dừng để đón, trả khách theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

5. *Điểm đầu, điểm cuối của tuyến xe buýt* là nơi bắt đầu, kết thúc của một hành trình xe chạy trên một tuyến.

6. *Kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt*: ngoài hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho việc hoạt động của các phương tiện cơ giới và người đi bộ còn có làn đường

xe buýt hoạt động, đường dành riêng, đường ưu tiên cho xe buýt, điểm đầu, điểm cuối, trạm trung chuyển xe buýt, trạm dừng, nhà chờ xe buýt, biển báo và các vạch sơn tại các điểm dừng, bãi đỗ dành cho xe buýt, các công trình phụ trợ phục vụ hoạt động khai thác vận tải khách công cộng bằng xe buýt.

7. *Biểu đồ chạy xe buýt trên một tuyến* là tổng hợp các lịch trình chạy xe của các chuyến xe tham gia vận chuyển trên tuyến trong một thời gian nhất định.

8. *Vé lượt* là chứng từ để khách sử dụng đi một lượt trên một tuyến xe buýt.

9. *Vé tháng* là chứng từ để khách sử dụng đi lại thường xuyên trong tháng trên một hoặc nhiều tuyến xe buýt.

10. *Người khuyết tật* là những người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn.

11. Trung tâm Điều hành đèn tín hiệu giao thông và vận tải công cộng (gọi tắt là: DATRAMAC).

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT**

#### **Điều 4. Các hình thức tham gia khai thác vận tải hành khách bằng xe buýt**

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã khi tham gia hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt, tùy thuộc vào tuyến xe buýt khai thác, sẽ thực hiện các hình thức khai thác sau:

a) Tuyến xe buýt đấu thầu: các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đấu thầu phải thực hiện các nguyên tắc, trình tự tham gia đấu thầu, ký hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu;

b) Tuyến xe buýt đặt hàng: Trên cơ sở dự toán được giao và đơn giá được các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quyết định, cơ quan đặt hàng xác định số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích để ký hợp đồng đặt hàng với doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia khai thác tuyến xe buýt.

2. Quy trình đặt hàng, xét chọn và tham gia đấu thầu nhà cung ứng được thực hiện theo quy định đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt do Nhà nước quy định.

#### **Điều 5. Thông tin trên kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt**

1. Đối với điểm dừng xe buýt: phải ghi rõ tên tuyến, ghi số hiệu tuyến xe buýt, tên điểm dừng xe buýt, giờ hoạt động của tuyến xe buýt, thời gian giãn cách, giá vé và thông tin về tuyến liên quan.

2. Đối với nhà chờ: ngoài các thông tin như đối với điểm dừng xe buýt phải ghi rõ lịch trình chạy xe, các số số điện thoại nóng và bản đồ hướng dẫn hệ thống tuyến xe buýt.

3. Tại điểm đầu, điểm cuối tuyến, các bãi giữ xe cá nhân thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt và trạm trung chuyển xe buýt: thể hiện số hiệu tuyến xe buýt, lộ trình, biểu đồ giờ, loại xe, doanh nghiệp phục vụ; kích thước và hình thức bản đồ tuyến xe buýt tùy thuộc vào vị trí và quy mô tại điểm cần bố trí do Sở Giao thông vận tải phê duyệt; phải có nhân viên điều hành để hướng dẫn hành khách, để kiểm tra, phối hợp với đơn vị vận tải để điều hành hoạt động của xe buýt trên tuyến xe buýt.

### **Điều 6. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt**

1. Việc tổ chức đầu tư xây dựng các kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt được thực hiện theo các nguồn vốn sau đây:

a) Kinh phí đầu tư xây dựng mới trạm trung chuyển xe buýt, trạm dừng, nhà chờ xe buýt, biển báo và các vạch sơn tại các điểm dừng, đường dành riêng cho xe buýt, bãi đỗ dành cho xe buýt được sử dụng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước được duyệt hoặc các nguồn vốn huy động khác;

b) Kinh phí duy tu bảo dưỡng sửa chữa, di dời điểm dừng xe buýt, nhà chờ, biển báo được sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp được duyệt và các nguồn vốn huy động khác nếu có.

#### **2. Quy định kỹ thuật:**

##### **a) Quy định kỹ thuật chung:**

- Khoảng cách tối đa giữa 2 điểm dừng đón, trả khách liền kề trong nội thành, nội thị là 700 m, ngoài nội thành, ngoài nội thị là 3.000 m; tại mỗi điểm dừng xe buýt phải có biển báo hiệu điểm dừng xe buýt theo quy định; phải bố trí các điểm dừng xe buýt, nhà chờ ở những nơi tiện lợi cho hành khách đi xe buýt và đủ điều kiện thuận lợi giao thông cho xe buýt dừng đón khách. Riêng bệnh viện, trường học có địa điểm thuận lợi có thể đặt điểm dừng, nhà chờ đến gần cửa ra vào, phải đảm bảo an toàn giao thông và do Ủy ban nhân dân thành phố cho phép. Tại các đường không có dải phân cách, điểm dừng xe buýt, nhà chờ của hướng giao thông đối diện phải bố trí lệch với chỗ dừng xe buýt của hướng giao thông ngược lại ít nhất là 10 mét; trường hợp đường phố hẹp khoảng cách này tối thiểu là 20 mét;

- Điểm dừng xe buýt, nhà chờ phục vụ người khuyết tật sử dụng xe lăn phải xây dựng lối lên xuống thuận tiện cho xe lăn và có vị trí dành riêng cho người khuyết tật sử dụng xe lăn đậu chờ xe buýt;

- Điểm dừng xe buýt, nhà chờ lắp đặt không được ảnh hưởng đến tầm nhìn, mỹ quan các công trình hạ tầng đô thị; không được lắp đặt tại những nơi cần bảo vệ an ninh trật tự, an toàn giao thông theo quy định của Nhà nước;

- Mỗi điểm dừng xe buýt, nhà chờ xe buýt đều có số hiệu, tên gọi riêng và được thể hiện trên bản đồ để quản lý và thông tin cho khách đi xe buýt.

##### **b) Quy định kỹ thuật riêng cho điểm dừng xe buýt, biển treo:**

- Vị trí lắp đặt điểm dừng xe buýt, biển treo phải thích hợp với điều kiện thực tế của vỉa hè và khu vực xung quanh, bảo đảm có không gian thông thoáng, mỹ quan, dễ quan sát và có chừa lối đi trên lề cho khách bộ hành;

- Mỗi điểm dừng xe buýt trên trục đường chỉ được bố trí tối đa cho 03 tuyến xe buýt sử dụng chung làm điểm dừng đón, trả khách; trường hợp nhiều hơn phải tổ chức tách và bố trí thêm điểm dừng cho phù hợp với biểu đồ tuyến xe buýt tạo thuận lợi, an toàn cho xe buýt và hành khách; khoảng cách giữa 2 điểm dừng xe buýt phải cách nhau tối thiểu từ 30 mét trong một cụm điểm dừng đón, trả khách và điểm dừng xe buýt của 2 đầu của cụm điểm dừng phải đảm bảo khoảng cách quy định tại điểm a khoản này;

- Đối với các tuyến xe buýt đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân có địa điểm hẹn trước phải bố trí trụ điểm dừng xe buýt tại các điểm không trùng với điểm dừng xe buýt trên tuyến và thuận tiện cho hành khách, đồng thời phù hợp an toàn giao thông; trường hợp phải bố trí trùng do Sở Giao thông vận tải quyết định.

#### c) Quy định riêng cho nhà chờ.

Vỉa hè để lắp đặt nhà chờ xe buýt phải đủ rộng để bố trí cho người đi bộ. Nhà chờ xe buýt phải lắp đặt cách mép lề tối thiểu 1,5 mét trừ trường hợp vỉa hè có khoét lề.

#### d) Quy định riêng của vạch sơn cho điểm dừng xe buýt:

- Phải thực hiện đúng quy định tại QCVN 41: 2012/BGTVT do Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 17/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2012, phải sơn vạch phản quang để người điều khiển các phương tiện giao thông khác nhận biết;

- Chiều dài của ô dừng xe buýt tùy theo từng trường hợp cụ thể, từ 15 đến 30 mét, bảo đảm cho xe đón, trả khách được trật tự và an toàn.

e) Quy định riêng khi khoét lề: Vỉa hè để khoét lề phải rộng từ 4 mét trở lên, phần vỉa hè còn lại sau khi cắt gọt phải có bề rộng lớn hơn 1,5 mét và chiều cao vỉa hè với mặt đường phải phù hợp để đảm bảo cho hành khách có nhu cầu đi lại thuận lợi.

### **Điều 7. Thời gian xe buýt phục vụ**

1. Thời gian xe buýt phục vụ trong ngày của từng tuyến được quy định trong biểu đồ chạy xe, đảm bảo tối thiểu 12 giờ/ngày.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia khai thác tuyến xe buýt phải thực hiện theo biểu đồ chạy xe để bố trí đúng loại xe chạy; xe buýt phải chạy đúng giờ, dừng đúng điểm dừng, nhà chờ theo quy định biểu đồ chạy xe đã công bố.

### **Điều 8. Phương tiện vận chuyển**

#### 1. Tiêu chuẩn xe buýt:

a) Xe buýt tham gia hoạt động trên tuyến phải là xe ô tô đủ điều kiện theo Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng

10 năm 2009 của Chính phủ và xe buýt phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quy định tại Tiêu chuẩn ngành 22 TCN 302-06 của Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 02 tháng 3 năm 2006;

b) Tuân thủ màu sơn do Ủy ban nhân dân thành phố quy định về màu sơn của xe buýt;

c) Đối với xe buýt phục vụ người khuyết tật phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật riêng được quy định tại Điều 14, Nghị định số 28/2012 ngày 10/04/2012 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật và Phần 2 Tiêu chuẩn ngành 22 TCN 302-06.

## 2. Tiêu chuẩn dịch vụ:

a) Xe buýt đưa vào hoạt động phải được phục vụ với tiêu chuẩn chất lượng như đơn vị vận tải đã cam kết với cơ quan quản lý tuyến;

b) Xe buýt phải kê vạch chiều cao 1,3 mét tại cửa lên để phục vụ miễn phí cho trẻ em;

c) Xe buýt phải được kiểm tra bảo đảm an toàn kỹ thuật hàng ngày trước khi đưa vào hoạt động.

## 3. Thông tin trên xe buýt:

a) Bên ngoài xe: ở phía trước và sau phải niêm yết thông tin số hiệu tuyến, điểm đầu, điểm cuối của tuyến lên kính phía trước kính; dọc theo hai thành xe phải niêm yết giá vé; tên doanh nghiệp; số điện thoại của đơn vị khai thác tuyến, thể hiện lộ trình cơ bản của tuyến xe buýt đi qua. Khuyến khích các đơn vị vận tải trang bị bảng điện tử chạy tên tuyến, bảng lộ trình, mã số tuyến bằng đèn led;

b) Bên trong xe: phải có sơ đồ tuyến, niêm yết giá vé, cước hành lý, nội quy phục vụ và số điện thoại của DATRAMAC và của đơn vị vận tải khai thác ở vị trí dễ nhìn;

c) Việc quảng cáo trên xe buýt (bên trong lẫn bên ngoài thành xe buýt) thực hiện đúng theo quy định hiện hành;

d) Nội dung niêm yết, kích thước, kiểu chữ, màu sắc, vị trí của các loại thông tin trên được DATRAMAC quy định, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện.

4. Số hiệu tuyến xe buýt được thực hiện theo quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt về vận tải khách công cộng bằng xe buýt.

## 5. Giãn cách xe chạy:

a) Giãn cách xe chạy đối với các tuyến xe buýt thuộc phạm vi nội thành không được vượt quá 20 phút/lượt xe xuất bến; trong trường hợp đặc biệt, nếu tần suất vượt quá quy định phải được sự đồng ý của Sở Giao thông vận tải;

b) Giãn cách xe chạy đối với các tuyến xe buýt khác không được vượt quá 30 phút/lượt xe xuất bến;

## 6. Các giấy tờ mang theo xe buýt.

Ngoài các loại giấy tờ mang theo xe được pháp luật quy định, xe buýt phải có lệnh vận chuyển của đơn vị vận hành tuyến, trong lệnh vận chuyển phải ghi rõ giờ xe hoạt động theo biểu đồ, số hiệu tuyến, biển số xe, số hiệu tập vé, các điểm chốt số lượng vé đã bán.

### **Điều 9. Vé xe buýt**

1. Vé sử dụng để đi xe buýt có 2 loại vé: vé lượt và vé bán trước (Vé có thể là loại vé giấy hoặc vé thẻ điện tử thông minh (card) thay cho vé giấy).

2. Vé lượt là chứng từ để khách sử dụng đi một lượt trên một tuyến xe buýt. Vé bán trước là chứng từ để khách sử dụng đi lại thường xuyên trong khoảng thời gian nhất định, trên một hoặc nhiều tuyến xe buýt.

3. Vé trên các tuyến có trợ giá do DATRAMAC phát hành, quản lý và cấp phát cho đơn vị vận tải xe buýt; vé trên các tuyến không trợ giá do đơn vị vận tải tham gia khai thác tuyến xe buýt phát hành, quản lý theo quy định

### **Điều 10. Trợ giá của Nhà nước**

1. Cơ chế trợ giá cho tuyến xe buýt có trợ giá được quy định như sau:

a) Phương thức trợ giá theo chuyên đối với từng tuyến, từng nhóm xe.

b) Công thức tính: Kinh phí trợ giá = Tổng chi phí chuyển xe (đã tính lợi nhuận) - doanh thu.

2. Thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng khai thác tuyến xe buýt theo kế hoạch của Sở Giao thông vận tải. Các tuyến xe buýt mới mở phải thực hiện đấu thầu khai thác tuyến xe buýt khi mở tuyến

### **Điều 11. Hỗ trợ của Nhà nước về kết cấu hạ tầng xe buýt**

1. Ủy ban nhân dân thành phố giao cho DATRAMAC sử dụng quỹ đất để làm điểm trung chuyển, điểm đầu cuối của tuyến và bãi kỹ thuật (depot) xe buýt theo quy hoạch.

2. Hỗ trợ các chính sách để đầu tư, xây dựng mới hoặc bảo dưỡng sửa chữa hệ thống trạm trung chuyển, trạm đầu cuối, bãi đỗ xe, điểm dừng xe buýt, nhà chờ, ô kê sơn và các công trình phục vụ vận chuyển khách bằng xe buýt.

### **Điều 12. Hỗ trợ tài chính của Nhà nước trong đầu tư phương tiện**

Doanh nghiệp đầu tư xe buýt được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (hoặc sẽ được xem xét cho vay vốn từ Quỹ đầu tư) khi đáp ứng được các điều kiện theo quy định của thành phố.

## **Chương III**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP XE BUÝT, HÀNH KHÁCH ĐI XE BUÝT**

### **Điều 13. Điều kiện tham gia vận tải hành khách bằng xe buýt**

1. Doanh nghiệp được thành lập hợp pháp theo luật định.

2. Có chức năng kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt và giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.

3. Đảm bảo các điều kiện kinh doanh theo quy định hiện hành.

4. Được DATRAMAC đặt hàng tham gia hoạt động tuyến xe buýt hoặc trúng thầu khai thác tuyến xe buýt do DATRAMAC tổ chức.

## **Điều 14. Quyền hạn, trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải**

### **1. Quyền lợi của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải**

a) Các doanh nghiệp, hợp tác xã được đăng ký hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt khi có nhu cầu khai thác tuyến xe buýt phải liên hệ với DATRAMAC để được hướng dẫn thủ tục, kiểm tra năng lực và điều kiện tham gia.

b) Được hưởng các quyền lợi quy định tại Chương III Quy định này và các quyền lợi khác trong chính sách ưu đãi chung của thành phố đối với hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe buýt khi tham gia khai thác tuyến xe buýt đồng thời phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo luật định.

c) Doanh nghiệp xe buýt được đặt hàng hoặc trúng thầu khai thác tuyến xe buýt được đảm bảo các điều kiện hoạt động trên tuyến như kết cấu hạ tầng xe buýt và các thông tin trên các kết cấu này.

d) Doanh nghiệp xe buýt được quyền khiếu nại các quyết định xử lý vi phạm hợp đồng khai thác tuyến xe buýt của DATRAMAC do khách quan như ùn tắc giao thông, điều chỉnh giao thông, tai nạn, hư hỏng đột xuất...

e) Được quyền từ chối vận chuyển đối với hành khách cố tình vi phạm nội quy đi xe buýt.

### **2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải**

a) Tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về vận chuyển khách bằng xe ô tô; về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị của Luật Giao thông đường bộ. Chịu trách nhiệm chính về đảm bảo chất lượng vận chuyển cho hành khách theo các điều khoản của hợp đồng khai thác tuyến xe buýt.

b) Người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải của doanh nghiệp phải có trình độ chuyên môn chuyên ngành vận tải từ trung cấp trở lên.

c) Phổ biến, hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt thực hiện đúng nội dung nêu trong Quy định này. Cử nhân viên điều hành để đảm bảo hoạt động tuyến.

d) Doanh nghiệp khi tuyển dụng, tiếp nhận lái xe buýt mới, nhân viên phục vụ trên xe buýt phải căn cứ các tiêu chuẩn tại Điều 15, Điều 16 Quy định này để xét tuyển. Sau khi tuyển dụng phải ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động. Các trường hợp tuyển dụng mới và chấm dứt hợp đồng lao động đều phải thông báo cho DATRAMAC biết về hồ sơ cá nhân, bố trí công việc của họ vào



tuyến xe cụ thể để theo dõi quá trình hành nghề, các thông tin về khen thưởng, kỷ luật, lý do chấm dứt hợp đồng lao động.

e) Không được bố trí nhân viên phục vụ trên xe buýt chưa qua đào tạo hoặc chưa có giấy chứng nhận tập huấn và không đảm bảo sức khỏe theo quy định:

- Trường hợp do khách quan như giấy chứng nhận cấp chậm, chưa có lớp đào tạo, doanh nghiệp phải báo cáo danh sách nhân viên phục vụ trên xe buýt cho DATRAMAC biết và chưa xử lý các trường hợp này;

- Không tiếp nhận vào làm việc tại doanh nghiệp mình các nhân viên phục vụ trên xe buýt nằm trong danh sách do DATRAMAC thông báo đã bị chấm dứt quan hệ lao động, bị sa thải từ các doanh nghiệp khác vì vi phạm quy định về hoạt động xe buýt.

f) Thực hiện báo cáo đúng quy định theo yêu cầu của DATRAMAC

g) Phát hiện và báo kịp thời cho DATRAMAC về tình trạng hư hỏng kết cấu hạ tầng xe buýt trên tuyến, về tình hình an ninh trật tự trên tuyến.

h) Quản lý và sử dụng đúng quy định của Nhà nước số tiền trợ giá, phối hợp với DATRAMAC quyết toán trợ giá theo đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo quyết toán.

i) Tiếp nhận, giải quyết các phản ánh, góp ý của hành khách và người dân.

### **Điều 15. Quyền hạn, trách nhiệm của nhân viên lái xe**

1. Có quyền từ chối vận chuyển đối với hành khách không tự kiểm soát được hành vi, gây mất an ninh, trật tự, an toàn trên xe.

2. Có quyền từ chối vận chuyển hàng cấm, hàng dễ cháy, nổ, hàng có mùi hôi tanh hoặc động vật sống.

3. Phải đảm bảo điều kiện của người lái xe cơ giới đường bộ theo quy định của pháp luật khi tham gia giao thông đường bộ.

4. Phải được tập huấn, hướng dẫn về nghiệp vụ vận tải khách bằng xe buýt, an toàn giao thông theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

5. Có đạo đức tác phong tốt, có tinh thần phục vụ hành khách hòa nhã, văn minh, lịch sự, phải mặc đồng phục và đeo thẻ theo quy định của tuyến.

6. Lái xe buýt có trách nhiệm cùng doanh nghiệp vận tải giữ gìn, bảo quản phương tiện.

7. Nghiêm cấm lái xe không can thiệp vào thiết bị hình trình kịp thời cáo các tình huống phát sinh sự cố của hành trình trong quá trình khai thác, nhấn tin đang nhập khi nhận ca và đang xuất khi kết thúc ca làm việc. Cấm dừng đỗ sai quy định, cấm chạy quá tốc độ, cấm mở cửa khi xe đang chạy, cấm chạy sai hành trình, cấm chở hàng dễ cháy, nổ, hàng có mùi hôi tanh hoặc động vật sống trong khoang hành khách.

### **Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm nhân viên phục vụ trên xe buýt**

1. Phải được tập huấn, hướng dẫn về nghiệp vụ vận tải khách, an toàn giao thông theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

2. Màu đồng phục của lái xe theo quy định từng tuyến và đeo thẻ bảng tên theo quy định.

3. Có thái độ phục vụ đúng mực; có đạo đức tác phong tốt, tinh thần phục vụ khách hòa nhã, văn minh, lịch sự; bán vé và giao vé cho khách đi xe;

4. Có trách nhiệm cung cấp thông tin về tuyến; hướng dẫn cho hành khách tại các điểm dừng để khách lên, xuống xe an toàn; giúp đỡ người khuyết tật, người già, trẻ em, phụ nữ có thai, có con nhỏ khi lên, xuống xe;

5. Nghiêm cấm hành vi thu giá vé cao hơn quy định và không giao vé cho hành khách; đứng cửa xe trong tình trạng xe đang chạy và mở cửa.

## **Điều 17. Quyền hạn, trách nhiệm của hành khách đi xe buýt.**

### **1. Quyền hạn của hành khách**

a) Khi đi lại bằng phương tiện xe buýt trên những tuyến xe buýt được thành phố trợ giá, hành khách được Nhà nước hỗ trợ chi phí thông qua việc quy định giá vé phù hợp với mức thu nhập chung của người dân thành phố. Người khuyết tật được cấp thẻ đi xe buýt miễn phí trên tất cả các tuyến xe buýt do Sở Giao thông vận tải cấp theo danh sách của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp.

b) Yêu cầu nhân viên phục vụ trên xe buýt đưa vé xe buýt hoặc hành khách tự nhận vé xe buýt khi đã trả tiền.

c) Hành khách được mang theo 10 kg hành lý xách tay không phải trả tiền cước. Trường hợp hành lý trên 10 kg thì thu tiền bằng 1 vé, riêng hành lý cồng kềnh thì mỗi phần diện tích chiếm chỗ trên 0,10 m<sup>2</sup> thì thu thêm tiền bằng 1 vé.

d) Được cung cấp miễn phí các thông tin về xe buýt thông qua trang thông tin điện tử của DATRAMAC hoặc được nhân viên phục vụ trên xe buýt trả lời trực tiếp những thông tin của các tuyến xe buýt.

e) Được yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất đối với những thiệt hại do lái xe hoặc nhân viên phục vụ trên xe buýt gây ra theo quy định của pháp luật.

g) Được yêu cầu xử lý và được công bố kết quả xử lý các khiếu nại về các hành vi vi phạm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

h) Được góp ý về những ưu - khuyết điểm trong quá trình đi xe buýt qua các kênh thông tin.

### **2. Nghĩa vụ của hành khách**

a) Hành khách đi xe buýt phải mua vé và phải xuất trình vé khi có yêu cầu kiểm soát; không được sử dụng các loại vé không hợp pháp.

b) Hành khách đi xe phải chấp hành nội quy đi xe buýt, sự hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, đảm bảo an toàn trật tự trên xe. Giúp đỡ và nhường ghế ngồi trên xe buýt cho khách đi xe là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ. Trường hợp hành khách vi phạm nội quy, làm thiệt hại đến người đi trên xe thì xử lý theo quy định pháp luật.

c) Hành khách đi xe giữ vệ sinh trên xe buýt và tại các điểm dừng, đỗ, nhà chờ xe buýt; không mang theo những hàng bị cấm vận chuyên, hàng tanh hôi, lây nhiễm, súc vật, chất dễ cháy nổ.

## **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT**

#### **Điều 18. Trách nhiệm quản lý nhà nước.**

**1. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải:** Là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về hoạt động xe buýt trên địa bàn thành phố,

a) Trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân thành phố:

- Phê duyệt quy hoạch, phát triển mạng lưới tuyến xe buýt, quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng xe buýt;

- Phê duyệt, công bố các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật;

- Phê duyệt kế hoạch đầu tư trong lĩnh vực hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt bằng vốn ngân sách;

- Phê duyệt phương án giá vé xe buýt, xác định khung giá vé, các chính sách miễn giảm giá vé cho các đối tượng được hưởng ưu đãi khi đi xe buýt (vé lượt, vé tháng);

- Xác định mô hình tổ chức hoạt động xe buýt;

- Ban hành, bổ sung và sửa đổi quy định quản lý hoạt động xe buýt;

- Các chính sách ưu đãi của Nhà nước áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn;

- Công bố các ưu tiên trong lưu thông cho xe buýt.

b) Sở Giao thông vận tải có quyền:

- Công bố mạng lưới tuyến xe buýt sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

- Giao nhiệm vụ kế hoạch hàng năm về vận tải hành khách bằng xe buýt;

- Quyết định danh mục, vị trí cụ thể của cơ sở hạ tầng mỗi tuyến xe buýt. quyết định chọn mẫu trạm dừng, nhà chờ; phê duyệt chủ trương đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho xe buýt hoạt động và quyết định đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện quy hoạch, các đề án phát triển vận tải hành khách bằng xe buýt do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; phê duyệt kế hoạch đấu thầu; phân bổ dự toán chi ngân sách đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt;

- Công bố các loại ưu tiên trong lưu thông của xe buýt trên từng tuyến đường cụ thể; ban hành nội quy đi xe buýt;
- Kiểm tra và xét duyệt quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt;
- Công bố giá vé cụ thể cho từng luồng tuyến xe buýt trên cơ sở khung giá vé đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;
- Quyết định đình chỉ khai thác tuyến xe buýt của doanh nghiệp xe buýt vi phạm nghiêm trọng quy định hiện hành về hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe buýt;
- Giám sát chất lượng hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe buýt đối với doanh nghiệp và DATRMAC;
- Thống nhất với các Sở Giao thông vận tải có liên quan trong việc công bố mở, điều chỉnh, dừng hoạt động đối với tuyến xe buýt liên kết.

## **2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch phát triển vận tải hành khách và đề xuất ngân sách trợ giá cho hoạt động xe buýt hàng năm (bao gồm kế hoạch mua sắm phương tiện công cộng), kế hoạch đầu tư, duy trì hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ mạng lưới tuyến xe buýt.

b) Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quy định về đấu thầu, đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

## **3. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Trách nhiệm:

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng phương án giá vé xe buýt, xác định khung giá vé, các chính sách miễn giảm giá vé cho các đối tượng được hưởng ưu đãi khi đi xe buýt;

- Phối hợp Sở Giao thông vận tải lập đơn giá chi phí vận chuyển khách bằng xe buýt áp dụng cho hàng năm và cho từng thời điểm nếu có biến động xảy ra về giá;

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Kho bạc Nhà nước trong việc quản lý hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt.

b) Quyền hạn:

- Thẩm định dự toán chi phí thuê tư vấn lập hồ sơ đấu thầu khai thác tuyến xe buýt;

- Thẩm định và thông báo thẩm định quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt.

## **4. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

a) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách miễn giảm giá vé giao thông công cộng cho người khuyết tật theo Nghị định số 28/NĐ-CP ngày 10/4/2012 về Quy định chi tiết

và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật, phù hợp với tình hình thực tế của thành phố.

b) Cấp giấy xác nhận cho người khuyết tật được miễn giá vé, giá dịch vụ khi tham gia giao thông bằng xe buýt.

### **Điều 19. Trách nhiệm và quyền hạn của Trung tâm Điều hành đèn tín hiệu giao thông và vận tải công cộng (DATRAMAC)**

1. DATRAMAC là cơ quan quản lý tuyến xe buýt, có trách nhiệm trình Sở Giao thông vận tải:

a) Kế hoạch hàng năm về phát triển hoạt động xe buýt, bao gồm sản lượng, phương tiện, luồng tuyến, trợ giá, điều chỉnh giá vé, đấu thầu, đặt hàng khai thác tuyến xe buýt và các dịch vụ liên quan đến hoạt động xe buýt, xây dựng cơ bản, kiểm tra trên tuyến, thông tin tuyên truyền.

b) Các danh mục vị trí cụ thể của cơ sở hạ tầng mỗi tuyến xe buýt; mẫu trạm dừng, nhà chờ.

c) Các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động xe buýt trên địa bàn thành phố.

2. DATRAMAC có quyền:

a) DATRAMAC trình Sở Giao thông Vận tải điều chỉnh lộ trình tuyến xe buýt; về số lượng xe kể cả số xe dự phòng cần cho mỗi tuyến xe buýt, về quy cách và chủng loại xe chạy trên từng tuyến; quyết định dừng hoạt động đối với các tuyến xe buýt không hiệu quả và không theo quy hoạch. Quyết định các tuyến xe buýt có chế độ chạy xe được quy định riêng. Quyết định mở mới, điều chỉnh và dừng hoạt động phải thực hiện theo quy trình hiện hành của Bộ Giao thông vận tải;

b) DATRAMAC trình Sở Giao thông Vận tải quyết định biểu đồ chạy xe từng tuyến xe buýt. Giám sát việc thực hiện biểu đồ xe chạy thông qua thiết bị giám sát hành trình trên các tuyến của doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia khai thác;

c) DATRAMAC trình Sở Giao thông Vận tải điều chỉnh các thông số liên quan đến tuyến xe buýt trong các trường hợp sau đây:

- Thay đổi tạm thời lộ trình hoạt động của từng tuyến trong thời gian sửa chữa cầu, đường giao thông, tiến hành thử nghiệm phân luồng giao thông;

- Thay đổi thời gian đóng mở tuyến cho phù hợp với nhu cầu đi lại;

- Tăng giảm chuyến xe theo nhu cầu đi lại từng thời điểm trong ngày và trong những ngày lễ, Tết, các ngày khai giảng, thi tuyển các cấp.

d) Tổ chức đấu thầu chọn doanh nghiệp khai thác tuyến. Ký hợp đồng đặt hàng khai thác vận chuyển hành khách bằng xe buýt với các doanh nghiệp khai thác tuyến xe buýt theo phân bổ dự toán chi ngân sách đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt; tổ chức kiểm tra việc thực hiện hợp đồng và thực hiện những thỏa thuận trong hợp đồng;

đ) Định kỳ hàng năm và đột xuất, tiến hành kiểm tra điều kiện hoạt động của doanh nghiệp khi tham gia vận tải hành khách bằng xe buýt; kiểm tra tiêu chuẩn các xe buýt;

e) Tham mưu đề xuất Sở Giao thông vận tải xử lý tạm đình chỉ, đình chỉ khai thác tuyến xe buýt của doanh nghiệp vi phạm;

g) Quản lý hoạt động khai thác các tuyến xe buýt để đảm bảo mạng lưới xe buýt hoạt động theo đúng biểu đồ. Có quyền điều động đột xuất các xe buýt để giải tỏa các ách tắc, thiếu xe đột biến trong mạng lưới xe buýt;

h) Thống kê, báo cáo kết quả thực hiện vận chuyển khách bằng xe buýt theo định kỳ;

i) Tổ chức khảo sát, đo đếm, thống kê kết quả và dự báo nhu cầu đi lại của hành khách trên mạng lưới xe buýt. Thuê tư vấn nghiên cứu, đề xuất việc điều chỉnh luồng tuyến khi có yêu cầu;

j) Làm đầu mối tiếp nhận, kiểm tra và thanh quyết toán tiền trợ giá cho các doanh nghiệp hoặc các đầu mối xe buýt theo quy định. Xác nhận, tái xác nhận kết quả vận chuyển các hoạt động vận chuyển xe buýt, làm cơ sở cho báo cáo thống kê, thanh quyết toán trợ giá. Đôn đốc, hướng dẫn các doanh nghiệp xe buýt báo cáo quyết toán trợ giá xe buýt theo đúng thời gian quy định;

k) In, phân phối và kiểm tra lệnh vận chuyển của các doanh nghiệp tham gia khai thác tuyến xe buýt đối với các tuyến xe buýt có trợ giá;

l) Tổ chức triển khai việc thực hiện nội quy đi xe buýt;

m) Làm chủ đầu tư các dự án sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới và quản lý cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt; Thực hiện công tác duy tu, sửa chữa các cơ sở hạ tầng này; Tổ chức, quản lý các bến bãi giữ xe miễn phí cho khách đi xe buýt;

n) Theo dõi quá trình hành nghề của nhân viên phục vụ trên xe buýt trên địa bàn thành phố. Xử lý và ra thông báo rộng rãi đến các doanh nghiệp danh sách các nhân viên phục vụ trên xe buýt vi phạm quy định về hoạt động xe buýt trên cơ sở hợp đồng khai thác tuyến xe buýt; trao đổi với doanh nghiệp quản lý nhân viên phục vụ trên xe buýt vi phạm về các trường hợp làm rõ sự việc trước khi tiến hành xử lý;

p) Tổ chức các kênh thông tin trực tuyến để vận động nhân dân hưởng ứng đi xe buýt, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc hoặc các phản hồi của hành khách đi xe buýt;

r) Tổ chức đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm việc trong lĩnh vực vận tải hành khách bằng xe buýt;

s) Tổ chức họp định kỳ với các doanh nghiệp xe buýt để giải quyết các khó khăn, vướng mắc;

t) Theo dõi, kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả giải quyết phản ánh của các doanh nghiệp xe buýt.

3. DATRAMAC có trách nhiệm đảm bảo các cơ sở hoạt động trên tuyến bao gồm có đầy đủ kết cấu hạ tầng xe buýt trên tuyến; các kết cấu hạ tầng xe buýt phải có

đầy đủ thông tin và thông tin kịp thời khi có điều chỉnh, thay đổi cho người dân và cho các doanh nghiệp xe buýt; chịu trách nhiệm nếu để xảy ra sự cố về việc thiếu thông tin trên tuyến.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 20. Khen thưởng**

Các cơ quan, tổ chức quản lý tuyến, doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp tích cực vào phát triển hệ thống vận tải hành khách bằng xe buýt, thu hút được người dân đi xe buýt, tăng số lượng hành khách vận chuyển, thì được khen thưởng theo quy định Nhà nước.

#### **Điều 21. Xử lý vi phạm**

1. Đối với cán bộ, công chức, nhân viên ngành giao thông vận tải không thực hiện đủ, đúng nhiệm vụ được quy định tại Quy định này sẽ bị xử lý theo Luật Cán bộ, công chức và Bộ Luật lao động.

2. Các tổ chức, cá nhân vi phạm về thanh tra, kiểm tra hoặc lợi dụng thanh tra, kiểm tra để vụ lợi, sách nhiễu, gây phiền hà cho hoạt động của tuyến xe buýt, ngoài việc bị xử lý theo Luật xử phạt vi phạm hành chính còn bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật.

3. Hành khách và cá nhân vi phạm nội quy như mua bán trên xe, không mua vé xe buýt, xả rác trên xe hoặc gây mất trật tự và các hành vi khác đối với hành khách trên xe buýt thì bị xử lý, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 22. Tổ chức thực hiện**

Căn cứ vào nhiệm vụ và trách nhiệm của đơn vị mình, các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các tổ chức đoàn thể liên quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định này.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**Văn Hữu Chiến**